

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 216 (ngày 12/3/2025); Đợt 217 (ngày 13/5/2025); Đợt 220 (ngày 18/12/2025); Đợt 221 (ngày 26/5/2026) - bàn giao từ Cục Quản lý Dược, cấp bổ sung

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP ngày 08/8/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BYT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với thuốc cổ truyền, Bộ Y tế - Đợt 216 (ngày 12/3/2025); Đợt 217 (ngày 13/5/2025); Đợt 220 (ngày 18/12/2025); Đợt 221 (ngày 26/5/2026); Đợt 21 (ngày 21/8/2026);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Dược cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 216 (ngày 12/3/2025); Đợt 217 (ngày 13/5/2025); Đợt 220 (ngày 18/12/2025); Đợt 221 (ngày 26/5/2026) - bàn giao từ Cục Quản lý Dược, cụ thể:

Danh mục 10 thuốc cổ truyền sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (tại Phụ lục I kèm theo). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu TCT-xxxxx-26 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc cổ truyền có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc cổ truyền theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc cổ truyền.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc cổ truyền kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại Điều 31, 32, 33, 34, 35 và 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.

4. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.

5. Cơ sở đăng ký thuốc cổ truyền phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

6. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Vũ Mạnh Hà – TTr thường trực BYT (để b/c);
- Đ/c Trịnh Thị Diệu Thường – Cục trưởng Cục Quản lý YDCT (để b/c);
- PGS.TS. Nguyễn Đăng Hòa – Chủ tịch HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT – Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Xây dựng;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Vụ Bảo hiểm Y tế; Cục QLD, Cục QLKCB; Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục Quản lý YDCT;
- Lưu: VT, QLD (4b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đăng Lâm

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 10 THUỐC CỔ TRUYỀN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC
CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM -
ĐỢT 216 (NGÀY 12/3/2025); ĐỢT 217 (NGÀY 13/5/2025); ĐỢT 220 (NGÀY
18/12/2025); ĐỢT 221 (NGÀY 26/5/2026) - BÀN GIAO TỪ CỤC QUẢN LÝ
DƯỢC, CẤP BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 249.../QĐ-YDCT ngày 05.../10/2026)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Bảo Cốt ĐDV	Cao đặc hỗn hợp dược liệu (tương đương dược liệu) Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 330mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae</i>) 330mg; Tang ký sinh (<i>Herba Loranthis paracitici</i>) 330mg; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 330mg; Nguru tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 330mg; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 330mg; Sinh địa (<i>Radix Rhemanniae glutinosae</i>) 330mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>) 330mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 330mg 288mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 60mg, Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 60mg, Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 60mg, Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 60mg, Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 30mg)	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên; Hộp 1 chai x 50 viên; Hộp 1 chai x 60 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	TCT-00428-26

2	Thập Toàn Đại Bổ ĐĐV	Cao đặc hỗn hợp dược liệu 218mg, tương đương 2180mg dược liệu, bao gồm: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 300mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 200mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 160mg; Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) 160mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 200mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 160mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 200mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 300mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 300mg; Quế nhục (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 200mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 Chai x 30 viên; Hộp 1 Chai x 50 viên; Hộp 1 Chai x 60 viên; Hộp 1 Chai x 100 viên	TCT-00429-26
3	Trình nữ ĐĐV	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô trình nữ hoàng cung: 80 mg (Tương ứng với 2000 mg lá Trình nữ hoàng cung (<i>Folium Crini latifolii</i>)); Cao đặc hỗn hợp dược liệu 380 mg (Tương ứng 3411 mg dược liệu, bao gồm: Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 830 mg; Tri mẫu (<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>) 666 mg; Hoàng bá (<i>Cortex Phellodendri</i>) 666 mg; Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>) 666 mg; Xích thược (<i>Radix Paeoniae</i>) 500 mg; Đào nhân (<i>Semen pruni</i>) 83 mg; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 8,3 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên.	TCT-00430-26

2. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần dược phẩm Nature Việt Nam

(Đ/c: Số 19 Đường 18, khu phố 7, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược phẩm Nature Việt Nam

(Đ/c: Số 19 Đường 18, khu phố 7, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
-----	-----------	------------------------------	--------------	----------	------------	-------------------	------------

4	Argin HLT	Mỗi viên nang mềm chứa Cao khô hỗn hợp 574 mg tương đương với các dược liệu: Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,89 g; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>) 0,67g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 1,33 g; Bạch truật (<i>Radix Atractylodis macrocephalae</i>) 0,89 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,67 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 1,33 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 0,44 g; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 0,67 g	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	TCT-00431-26
---	--------------	--	---------------	----------	------	----------------------------------	--------------

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm

(Đ/c: Số 27 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang)

3.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa

(Đ/c: Lô C4 KCN Bình Hòa, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	An Tràng Vị Agi	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô hỗn hợp 915 mg, tương đương: Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 650 mg; Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 540 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 420 mg; Hoàng đằng (<i>Caulis et Radix Fibraureae</i>) 400 mg; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 350 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 350 mg; Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>) 350 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 350 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 250 mg; Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) 400 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 733 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - PVC, chứa trong túi nhôm). Hộp 03 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm). hộp 01 chai x 60 viên, 100 viên, 200 viên (chai nhựa HD).	TCT-00432-26

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tự y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tự y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	DIOHD	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao đặc Cỏ sữa lá to (<i>Extractum Euphorbiae hirtae spissum</i>) 75 mg (tương đương với Cỏ sữa lá to (<i>Herba Euphorbiae hirtae</i>) 750 mg); Cao đặc Hoàng đằng (<i>Extractum Fibraureae spissum</i>) 150 mg (tương đương Hoàng đằng (<i>Caulis et Radix Fibraureae</i>) 1500 mg); Cao đặc Măng cụt (<i>Extractum Garciniae mangostanae spissum</i>) 10 mg (tương đương với Măng cụt (<i>Pericarpium Garciniae mangostanae</i>) 100 mg).	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 50 viên.	TCT-00433-26

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh

(Đ/c: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh

(Đ/c: Cụm công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Dưỡng tâm an thần Hadiphar	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao đặc dược liệu 290 mg (tương đương với: Đan sâm (<i>Radix et Rhizoma Salviae miltorrhizae</i>) 0,125 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 0,125 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,5 g; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 0,125 g; Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>) 0,5 g; Đảng sâm	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 100 viên, 200 viên.	TCT-00434-26

		(<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 0,125 g; Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>) 0,125 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,125 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 0,125 g; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 0,25 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 0,5 g; Thiên môn (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 0,5 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 1,00 g; Chu sa (<i>Cinnabaris</i>) 0,05 g.					
--	--	--	--	--	--	--	--

6. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

(Đ/c: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

(Đ/c: Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Hoàn quy tỳ P/H	Mỗi viên hoàn mềm chứa: Bột Đảng sâm (<i>Pulveres radices Codonopsis pilosulae</i>) 0,18 g; Bột Bạch truật (<i>Pulveres rhizomae Atractylodis macrocephalae</i>) 0,36 g; Bột Hoàng kỳ (<i>Pulveres radices Astragali membranacei</i>) 0,36 g; Bột Cam thảo (<i>Pulveres radices et rhizomae Glycyrrhizae</i>) 0,09 g; Bột Bạch linh (<i>Pulveres Poriae</i>) 0,36 g; Bột Viễn chí (<i>Pulveres radices Polygalae</i>) 0,036 g; Bột Táo nhân (<i>Pulveres semensis Ziziphi mauritiana</i>) 0,36 g; Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>) 0,36 g; Bột Đương quy (<i>Pulveres radices Angelicae sinensis</i>) 0,036 g; Bột Mộc hương (<i>Pulveres radices Saussureae lappae</i>) 0,18 g; Bột Đại táo (<i>Pulveres fructi Ziziphi jujubae</i>) 0,09 g.	Viên hoàn mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 viên x 4,5 g.	TCT-00435-26

7. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Trĩ Tâm Tâm	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 630 mg, tương đương với: Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 1500 mg; Hồng hoa (<i>Flos Carthami tinctorii</i>) 1000 mg; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 1500 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 600 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 1500 mg; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 200 mg; Đào (hạt) (<i>Semen Pruni</i>) 2300 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 1500 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 600 mg; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 300 mg; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri chinensis</i>) 200 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 300 mg; Hoàng bá (<i>Cortex Phellodendri</i>) 500 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (Màng PVC-nhôm). Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên (Lọ thủy tinh hoặc lọ nhựa HDPE).	TCT-00436-26

8. Công ty đăng ký: Cơ sở sản xuất thuốc y học cổ truyền thể thao Thanh Hóa

(Đ/c: Số 69 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Thanh Hóa

(Đ/c: Lô 4-5-6, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
-----	-----------	------------------------------	--------------	----------	------------	-------------------	------------

10	Vị Tràng Hoàn	Mỗi túi 2,5 g viên hoàn cứng chứa: Ô dược (<i>Radix Linderae</i>) 100 mg; Nga truật (<i>Rhizoma Curcumae zedoariae</i>) 150 mg; Hoắc hương (<i>Herba pogostemonis</i>) 300 mg; Ngũ bội tử (<i>Galla chinensis</i>) 250 mg; Mẫu lệ (<i>Contra ostreae</i>) 150 mg; Ô tặc cốt (<i>Os Sepiae</i>) 150 mg; Huyền hồ sách (<i>Rhizoma Corydalis</i>) 150 mg; Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 100 mg; Nhục đậu khấu (<i>Semen Myristicae</i>) 150 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulaceae perenne</i>) 50 mg; Cao đặc hỗn hợp dược liệu (độ ẩm 20 %) 200 mg (tương ứng 900 mg hỗn hợp dược liệu: Kha tử (<i>Fructus Terminalia chebulae</i>) 250 mg; Lá khô (<i>Ardisia sylvestris pitard</i>) 300 mg; Bồ công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 200 mg; Chi xác (<i>Fructus aurantini</i>) 100 mg; Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>) 50 mg).	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 15 túi x 2,5 g.	TCT-00437-26
----	---------------	--	----------------	----------	------	---------------------	--------------